

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 11 - 2018

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Văn Thành

Ông Nguyễn Văn Doanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Quỳnh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2018/TLST-HNGĐ ngày 16/7/2018 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/10/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T - Sinh năm: 1984.

Nơi ĐKKHKT: Đội 5, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ: Thôn P, TT B, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Hà Tiến Đ - Sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Đội 5, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt chị T. Vắng mặt anh Đ (mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20/7/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Ngô Thị T trình bày:

Chị và anh Hà Tiến Đ kết hôn ngày 10/01/2004 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng

chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do anh Đ có quan hệ ngoại tình. Từ tháng 01/2017 vợ chồng đã sống ly thân, anh Đ hiện đang sống như vợ chồng với một phụ nữ khác. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Hà Đức V - Sinh ngày 10/12/2004; Hà Kim T - Sinh ngày 24/6/2008 và Hà Phương C - Sinh ngày 19/7/2015. Hiện tại cả 3 con đang ở với chị. Khi ly hôn chị nhận nuôi cả 3 con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/10/2018, anh trai của anh Hà Tiến Đ là Hà Văn H cung cấp: Vợ chồng Anh Đ, chị T có mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ hơn một năm nay. Anh Đ đi làm ăn ở các tỉnh nhưng vẫn thường xuyên về thăm nhà và có biết việc chị T có đơn xin ly hôn và có nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc chị T xin ly hôn. Mới đây anh Đ có về và anh có hỏi quan điểm của anh Đ về việc chị T có đơn xin ly hôn anh Đ có nói không đồng ý ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 08 tháng 10 năm 2018, UBND xã T cung cấp: Anh Hà Tiến Đ và chị Ngô Thị T kết hôn ngày 20/01/2004 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 tới nay. Vợ chồng có 03 con chung là Hà Đức V - Sinh ngày 10/12/2004; Hà Kim T - Sinh ngày 24/6/2008 và Hà Phương C - Sinh ngày 19/7/2015.

Gia đình anh Đ có hai anh em trai là anh Hà Văn H và anh Đ. Anh Đ đi làm ăn ở các tỉnh nhưng vẫn thường xuyên về thăm nhà vì mẹ đã già yếu, không minh mẫn.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như trên và đề nghị Tòa án buộc anh Hà Tiến Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS.

Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn không có mặt để hòa giải và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, đã vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai là đúng quy định tại Điều 227; 233 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị T, anh Đ đã sống ly thân từ lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật hôn và nhân gia đình đề nghị HĐXX xử lý hôn giữa chị Ngô Thị T và anh Hà Tiến Đ.

Về con chung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 81; 82; 83 giao con chung của vợ chồng là Hà Đức V - Sinh ngày 10/12/2004; Hà Kim T - Sinh ngày 24/6/2008 và Hà Phương C - Sinh ngày 19/7/2015 cho chị T nuôi dưỡng, chấp nhận yêu cầu của chị T, đề nghị Tòa án buộc anh Hà Tiến Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị T nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục trong việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Hà Tiến Đ nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai là đúng quy định tại Điều 227; 233 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Ngô Thị T và anh Hà Tiến Đ kết hôn ngày 20/01/2001 có đăng ký tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2017.

Sau khi chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị T cho anh Đ nhưng anh Đ không đến Tòa án để làm việc.

Theo yêu cầu của chị T, TAND huyện Trực Ninh đã tiến hành thu thập chứng cứ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/10/2018, anh trai của anh Hà Tiến Đ là Hà Văn H cung cấp: Vợ chồng Anh Đ, chị T có mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ hơn một năm nay. Anh Đ đi làm ăn ở các tỉnh nhưng vẫn thường xuyên về thăm nhà và có nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án thông báo việc chị T có đơn xin ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc và không đồng ý ly hôn.

Tại Biên bản xác minh ngày 08 tháng 10 năm 2018, UBND xã T cung cấp: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 tới nay.

Hội đồng xét xử thấy: Chị T và anh Đ đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn. Sau khi chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị T và nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải

cho anh Đ nhưng anh Đ không đến Tòa án để làm việc không có lý do nên việc hòa giải không tiến hành được. Bản thân anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án để xuất trình chứng cứ và hòa giải. Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Đ. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không Đ được, không thể đoàn tụ, việc chị T xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung là Hà Đức V - Sinh ngày 10/12/2004; Hà Kim T - Sinh ngày 24/6/2008 và Hà Phương C - Sinh ngày 19/7/2015. Hiện tại cả ba con đang ở cùng với chị T.

Xét yêu cầu của chị T về việc nhận nuôi 3 con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con HĐXX thấy: Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình chuẩn bị xét xử, mặc dù được thông báo nhiều lần nhưng anh Đ không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về việc nhận nuôi con chung. Hiện tại con chung đang ở cùng với chị T, việc chị T nhận nuôi dưỡng con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của chị T, đề nghị Tòa án buộc anh Hà Tiến Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung HĐXX thấy: Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa mặc dù được thông báo nhiều lần nhưng anh Đ không có mặt. Từ khi thụ lý vụ án (16/7/2018) đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử (18/10/2018) chị T đều không có yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tại phiên tòa chị T mới có yêu cầu chung chung “theo quy định của pháp luật”. Do vậy HĐXX thấy không có căn cứ để xem xét yêu cầu của chị T. Chị T có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác đối với anh Đ nếu như có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng không thể hiện chị T và anh Đ có tài sản, khoản nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý ly hôn giữa chị Ngô Thị T và anh Hà Tiến Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Ngô Thị T có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Hà Đức V - Sinh ngày 10/12/2004; Hà Kim T - Sinh ngày 24/6/2008 và Hà Phương C - Sinh ngày 19/7/2015.

Anh Hà Tiến Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc

gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Ngô Thị T phải nộp 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 04788 ngày 16/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Ngô Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Hà Tiến Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt Bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Chu Thái Hà